

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 5 – 2023

Về việc: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Trần Thị An.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Phan Thị V, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Tổ M, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số M, đường L, khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị V trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2020. Sau khi kết hôn bà và ông B sinh sống cùng nhà cha mẹ ruột của bà tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, năm

2020 khi bà mang thai được 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông B không quan tâm chăm sóc bà mà ham mê cờ bạc, gây nợ nần nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, đến cuối năm 2020 thì ông B bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thành phố H, tỉnh Kiên Giang sinh sống và vợ chồng bà không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng bà chung sống có một con chung tên Nguyễn Ngọc Hương T, sinh ngày 05/11/2020, giới tính nữ. Hiện nay con chung đang sống với bà, từ lúc sinh ra cho đến nay đều do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông B cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà trình bày trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn Văn B, tuy nhiên ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy giữa bà V, ông B có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, ông bà cũng không còn quan tâm, chăm sóc, chung sống với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay, do đó đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phan Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Bà V, ông B chung sống có một con chung tên Nguyễn Ngọc Hương T, sinh ngày 05/11/2020, giới tính nữ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông B cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung bà V trình bày không có, ông B không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phan Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn B, xét ông B có nơi cư trú tại khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị V và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2020, do đó hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo bà V trình bày sau khi kết hôn bà và ông B sinh sống cùng nhà cha mẹ ruột của bà tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, năm 2020 khi bà mang thai được 03 tháng thì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông B không quan tâm chăm sóc bà mà ham mê cờ bạc, gây nợ nần nên vợ chồng ông bà thường xuyên cãi nhau, đến cuối năm 2020 thì ông B bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thành phố H, tỉnh Kiên Giang sinh sống và vợ chồng ông bà không còn chung sống với nhau cho đến nay, quá trình giải quyết vụ án bà V có đơn xin xác nhận và được chính quyền địa phương nơi bà cư trú xác nhận nội dung như bà trình bày nêu trên. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến tại Tòa án, qua xác minh được bà Lê Thị L là mẹ của ông Nguyễn Văn B cung cấp thông tin ông B có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa án. Xét thấy, giữa bà V và ông B có mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2020, ông B không trình bày ý kiến về việc bà V xin ly hôn nhưng theo gia đình ông B thì ông B không đồng ý ly hôn với bà V, tuy nhiên xét thấy ông B, bà V không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài, ông B không đồng ý ly hôn nhưng không có tác động gì để vợ chồng hàn gắn lại với nhau, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông B.

[4] Về con chung: Bà Phan Thị V và ông Nguyễn Văn B chung sống có một con chung tên Nguyễn Ngọc Hương T, sinh ngày 05/11/2020, giới tính nữ. Từ lúc sinh ra cho đến nay đều do bà V chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời hiện nay con chung chưa đủ 03 tuổi nên căn cứ khoản 3 điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông B cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị V trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; ông B không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Phan Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Hương T, sinh ngày 05/11/2020, giới tính nữ cho bà Phan Thị V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông B cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà Phan Thị V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V trình bày không có; ông B không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Phan Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001429 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên bà V không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành